



# TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

## BẢN TIN THAN THÁNG 10

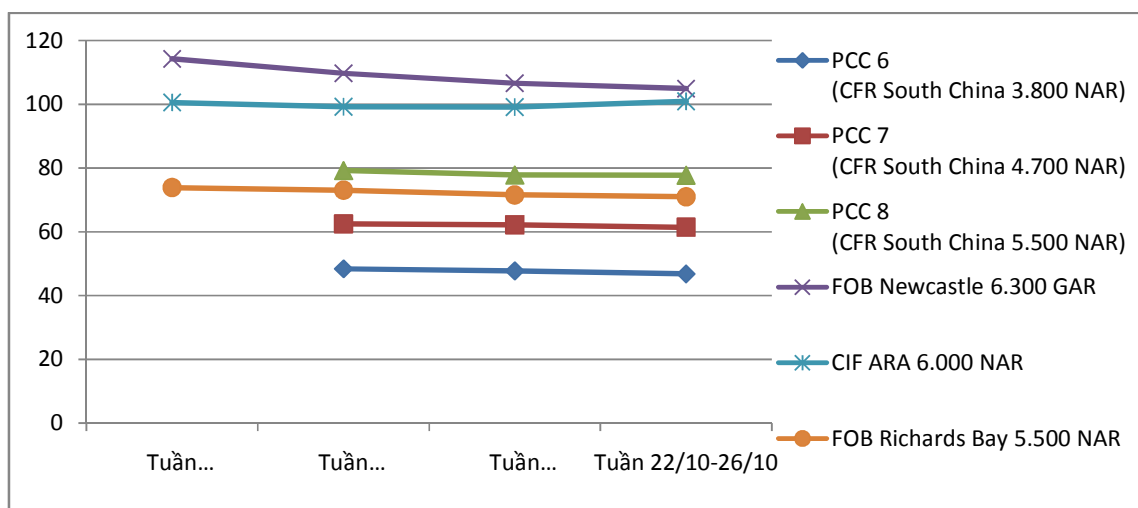
(Từ 01/10 – 31/10/2018)

### I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

#### 1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 01/10-05/10	Tuần 08/10-12/10	Tuần 15/10-19/10	Tuần 22/10-26/10
PCC 6 (CFR South China 3,800 NAR)	N/A	48,38	47,7	46,72
PCC 7 (CFR South China 4,700 NAR)	N/A	62,45	62,16	61,38
PCC 8 (CFR South China 5,500 NAR)	N/A	79,16	77,75	77,70
FOB Newcastle 6,300 GAR	114,19	109,62	106,56	104,84
CIF ARA 6,000 NAR	100,54	99,22	99,14	100,89
FOB Richards Bay 5,500 NAR	73,86	73	71,53	70,96
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	N/A	N/A	N/A	N/A



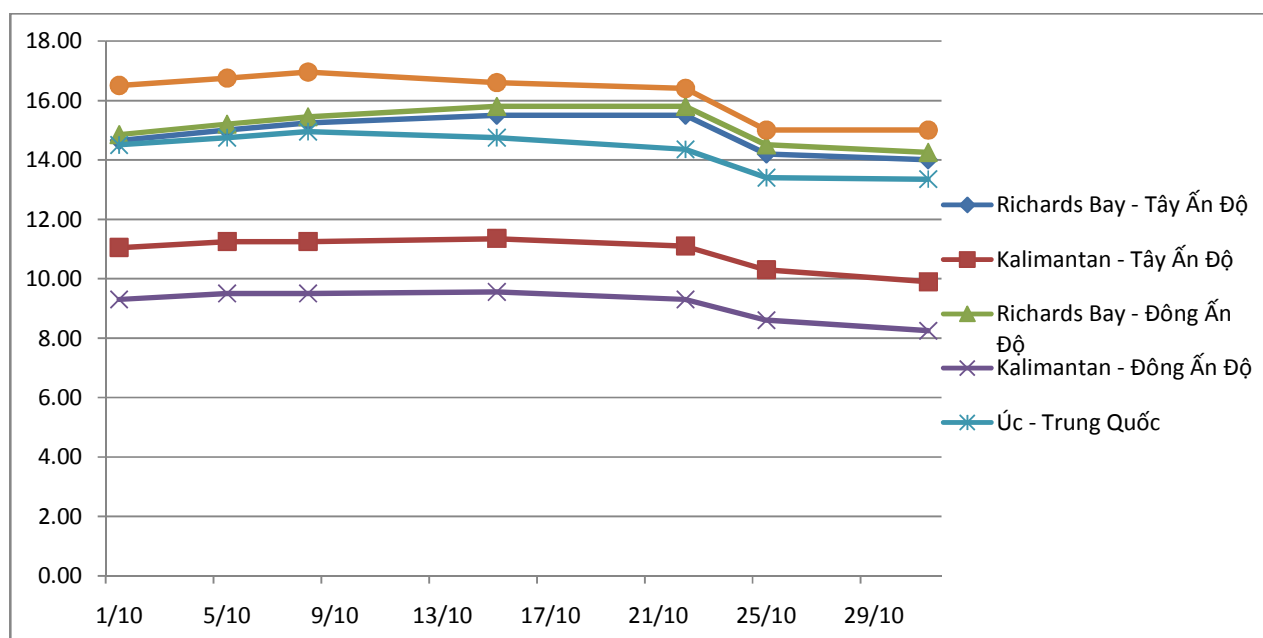
Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tháng 10(2018)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

## 2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tháng 10	01/10	05/10	08/10	15/10	22/10	25/10	31/10
<b>Tàu Capesize (150.000 tấn)</b>								
1	Úc – Trung Quốc	10,35	10,80	10,65	11,20	10,70	10,20	10,35
2	Queensland – Nhật Bản	11,90	12,50	12,35	12,95	12,30	11,75	12,10
3	New South Wales – Hàn Quốc	12,75	13,35	13,20	13,80	13,15	12,60	12,95
<b>Tàu Panamax (70.000 tấn)</b>								
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	14,65	15,00	15,25	15,50	15,50	14,20	14,00
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	11,05	11,25	11,25	11,35	11,10	10,30	9,90
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	14,85	15,20	15,45	15,80	15,80	14,50	14,25
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	9,30	9,50	9,50	9,55	9,30	8,60	8,25
5	Úc - Trung Quốc	14,50	14,75	14,95	14,75	14,35	13,40	13,35
6	Úc - Ấn Độ	16,50	16,75	16,95	16,60	16,40	15,00	15,00



Biểu đồ 2: Giá cước vận tải quốc tế tháng 10(2018)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

## II. ĐIỂM TIN

### Lượng than nhiệt xuất khẩu của Nga tháng 10 tăng 2,5% so với tháng 9

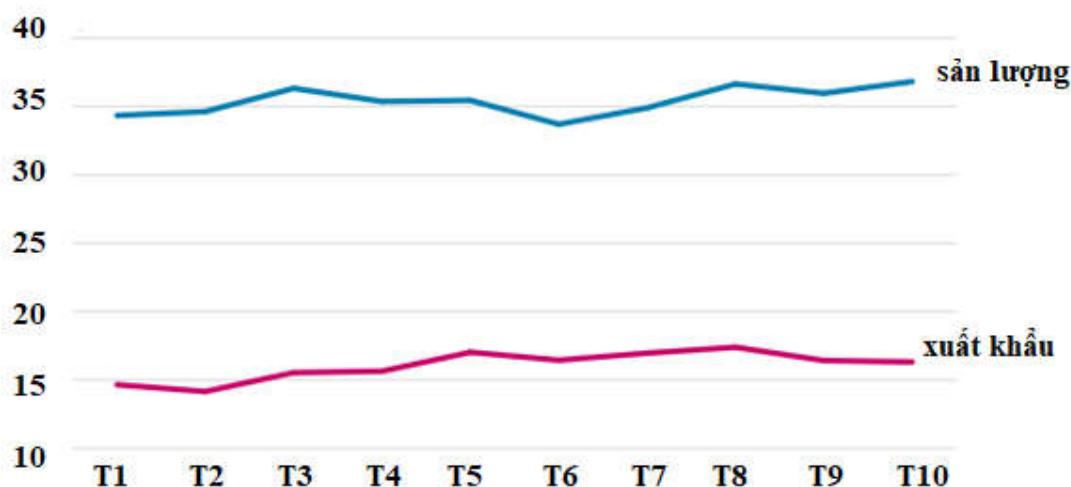
Tổng lượng than xuất khẩu của Nga trong tháng 10 đã đạt 16,3 triệu tấn, tăng 2,5% so với tháng trước và hầu như không thay đổi so với năm ngoái, theo dữ liệu từ Bộ Năng lượng Nga. Lượng than xuất khẩu từ đầu năm đến nay đạt 145,29 triệu tấn, giảm 6,3% so với năm ngoái. Đây là năm đầu tiên lượng than xuất khẩu trong mười tháng đầu năm của Nga giảm theo năm kể từ 2015. Dữ liệu không cho biết lượng than nhiệt đã xuất khẩu trên tổng khối lượng than.

Nguyên nhân khiến lượng than xuất khẩu tăng có thể do mùa đông sắp tới làm hạn chế các chuyến hàng ra khỏi cảng Baltic. Thêm vào đó, giá benchmark Đại Tây Dương (CIF ARA) và Thái Bình Dương (FOB Newcastle) đều cao hơn so với năm trước, đặc biệt là giá than FOB Newcastle 6.300 kcal/kg GAR, điều này có thể khuyến khích các công ty tăng cường xuất khẩu than nhiệt đến các cảng Thái Bình Dương. Một thị trường ưa chuộng than Nga tại Thái Bình Dương là Hàn Quốc, gần đây nước này đã nhập khẩu thêm than từ Nga. Trong giai đoạn từ tháng

1 đến tháng 9, Hàn Quốc đã nhập khẩu 14,98 triệu tấn than Nga, tăng 11,7% so với năm ngoái, theo dữ liệu hải quan. Thổ Nhĩ Kỳ cũng là một thị trường tiềm năng cho than Nga, khi nước này có khả năng sẽ tăng cường nhập khẩu than Nga do cơ sở hạ tầng xuất khẩu than đang được cải tạo tại khu vực Black Sea. Theo dữ liệu hải quan, Nga đã xuất khẩu 1,47 triệu tấn than nhiệt tới Thổ Nhĩ Kỳ trong tháng 9, đây là tháng đầu tiên trong năm than Nga vượt qua than Colombia tại thị trường này.

Theo S&P Global Platts, than Nga 6.000 kcal/kg NAR, điều kiện FOB Baltic, thời hạn 90 ngày trong tháng 10 trung bình đạt 94,60 USD/tấn, giảm 6 cents so với tháng trước, trong khi giá trung bình than Nga 6.300 kcal/kg GAR, điều kiện FOB Baltic, thời hạn 90 ngày trong tháng 10 đạt 115,75 USD/tấn, giảm 2 USD so với tháng trước đó. Tổng sản lượng than trong giai đoạn tháng 10 đạt 36,82 triệu tấn, tăng 1% so với tháng 9 nhưng không thay đổi so với năm trước. Sản lượng than từ đầu năm đến nay đạt 354,56 triệu tấn, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước.

### Tình hình sản xuất và xuất khẩu than của Nga



(Nguồn: Bộ Năng lượng Nga)

### Một số công ty thương mại tìm mua than độ tro cao giao cuối tháng 12 cho Trung Quốc

Một số công ty thương mại đang cân nhắc mua than độ tro cao Australia giao trong nửa cuối tháng 12 với kỳ vọng Trung Quốc sẽ nới lỏng những quy định kiểm soát nhập khẩu vào thời điểm các chuyên hàng trên cập cảng trong tháng 1 năm 2019. Tuy vậy nhu cầu mua than 5.500 kcal/kg NAR tại Trung Quốc giao cuối tháng 11 và đầu tháng 12 tiếp tục giữ ở mức thấp. Hoạt động dỡ than tại các cảng của Trung Quốc hiện rất khó khăn, và có thể khiến các công ty thương mại bị phạt do dôi nhật tàu. Các công ty thương mại đang phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian làm hàng [tại các cảng Trung Quốc] trước khi thực hiện giao dịch.

Các khách hàng Trung Quốc sẽ không vội vàng quay lại thị trường than giao lẻ, khi mức dự trữ than cao, tỷ lệ tiêu thụ than thấp, và giá than nội địa giảm. Với tình hình hiện nay chính phủ sẽ khó có khả năng cân nhắc việc thay đổi các quy định kiểm soát nhập khẩu. Đối với than nhiệt Australia 5.500 kcal/kg NAR, một số giao dịch đã được thực hiện trong tuần trước với giá khoảng 64-65 USD/tấn, điều kiện FOB Newcastle giao trong tháng 10 và tháng 12, tuy nhiên không có giao dịch nào được thực hiện trong tuần này. Thị trường Trung Quốc hiện khá yên ắng, không có nhiều khách hàng sẵn sàng mua than Australia và Indonesia. Một công ty thương mại cho biết có rất nhiều chuyên hàng được chào bán tới Ấn Độ, tuy nhiên giá tại đây đã giảm, do đó bất kỳ cơ hội giao dịch với giá cao nào tới Ấn Độ đều kết thúc rất nhanh.

### Lượng than dự trữ tại các nhà máy nhiệt điện Ấn Độ phục hồi so với tuần trước

Khối lượng than dự trữ tại Ấn Độ tính đến thứ 4 (31/10) đã đạt 10,1 triệu tấn, tăng 5% so với tuần trước đó, tuần có lượng than dự trữ thấp nhất từ đầu năm với 9,4 triệu tấn, theo dữ liệu được đưa ra hôm thứ 6 (2/11) bởi Cơ quan Điện lực Trung ương Ấn Độ gặp rất nhiều khó khăn do lượng than dự trữ giữ ở mức thấp trong gần hết năm khi công ty sản xuất than Coal India không

thể tăng sản lượng đủ để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện ngày càng tăng của nước này. Lượng than dự trữ chỉ đủ để sử dụng trong sáu ngày phát điện kể từ đầu tháng 10. Khi con số này giảm xuống dưới mười ngày, các công ty nhiệt điện gần bờ biển thường chuyển sang sử dụng than nhập khẩu, theo S&P Global Platts Analytics.

Tính đến ngày thứ 4 (31/10), lượng than nhiệt nhập khẩu dự trữ đã đạt 431.000 tấn, tăng 15% so với tuần trước đó. Con số này cao hơn 28% so với cùng kỳ năm ngoái nhưng thấp hơn 9% so với cùng thời điểm tháng trước. Các chuyên gia phân tích của Platts cho biết: “Mặc dù các kho dự trữ than của các nhà máy nhiệt điện Ấn Độ cao hơn so với năm ngoái nhưng vẫn ở mức rất thấp từ đó kích thích nhu cầu nhập khẩu”. Trên toàn quốc, số lượng các nhà máy điện than với mức dự trữ than thấp hoặc rất thấp là 29, thấp hơn so với 31 nhà máy tuần trước. Coal India hôm thứ 6 cho biết sản lượng khai thác, sản lượng offtake và lượng than vận chuyển cho ngành điện đã tăng trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 10 năm nay. Bộ trưởng Bộ Than của Ấn Độ, ông Piyush Goyal, cho biết, “Thị trường Ấn Độ có khả năng tiếp nhận thêm 25% khối lượng than nhờ tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng”. Mặc dù vậy, Platts Analytics vẫn hoài nghi về khả năng đáp ứng nhu cầu của Coal India cho ngành điện, và than nhiệt nhập khẩu có thể tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong ngành điện thời gian tới.

### **Giá than Australiacao hỗ trợ cho kết quả kinh doanh quý III của Peabody**

Trong báo cáo kinh doanh quý III công bố hôm thứ 3, Peabody đã nhấn mạnh giá than Australia như là một yếu tố quan trọng đóng góp của hoạt động kinh doanh của công ty này trong quý III. Đại diện công ty cho biết: “Quý III đã kết thúc với những thách thức đáng kể tại mỏ Bắc Goonyella, kết quả của hoạt động kinh doanh đa dạng, rộng khắp và vững chắc của Peabody đã được thúc đẩy bởi phân khúc than nhiệt Australia”.

Peabody đã xuất khẩu 2,9 triệu tấn than nhiệt từ các mỏ tại Australia trong quý III, tương đương với con số trong quý II và thấp hơn 3,3 triệu tấn của quý III năm trước. Giá bán trung bình than xuất khẩu trong quý này là 92,08 USD/tấn, phản ánh giá than 6.000 kcal/kg NAR và 5.500 kcal/kg NAR giao lẻ tăng cao. Theo Platts, giá FOB Newcastle 6.300 kcal/kg GAR trung bình ở mức 117,92 USD/tấn trong suốt quý III, mức trung bình theo quý cao nhất kể từ quý III năm 2011, trong khi giá Platts FOB Newcastle 5.500 kcal/kg NAR trung bình ở mức 68,90 USD/tấn trong quý, giảm từ 75,84 USD/tấn trong quý trước. Peabody cũng tham khảo giá trong hợp đồng năm giữa Glencore và Tohoku Electric Power để cung cấp than nhiệt, được nhiều người coi là thước đo cho toàn bộ thị trường xuất khẩu than của Australia. Các hợp đồng này được thống nhất với giá 109,77 USD/tấn, cao hơn 15,02 USD/tấn so với thỏa thuận trước đó.

*(Nguồn: [www.spglobal.com](http://www.spglobal.com))*